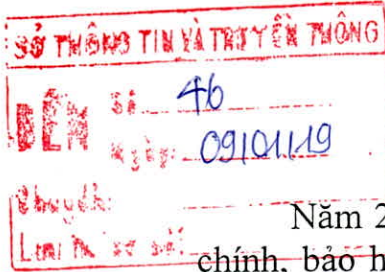


BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *4415* /BT/TTT-VP
V/v một số nhiệm vụ trọng tâm
của Bộ Thông tin và Truyền thông
năm 2019

Hà Nội, ngày *28* tháng 12 năm 2018



Kính gửi: Các Sở Thông tin và Truyền thông

Năm 2018, trong bối cảnh thế giới có sự gia tăng cạnh tranh về kinh tế, tài chính, bảo hộ thương mại giữa các nước; nguy cơ chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế chủ chốt; các điểm nóng chính trị tiếp tục căng thẳng, khó lường; các thách thức an ninh phi truyền thống gia tăng; khoa học công nghệ phát triển nhanh và Cách mạng công nghiệp 4.0 tác động trên nhiều phương diện, vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với Việt Nam; Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp, qua đó ổn định kinh tế vĩ mô, tái cơ cấu nền kinh tế, tăng trưởng kinh tế đạt và vượt yêu cầu đề ra; quốc phòng, an ninh được tăng cường, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; nâng cao vị thế của Việt Nam trên thế giới. Góp phần vào thành quả chung đó, ngành Thông tin và Truyền thông (TTTT) tiếp tục phát triển, khẳng định vị trí, vai trò quan trọng trên các mặt trận chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội, cùng đất nước tiếp tục hội nhập sâu rộng với thế giới.

Đóng góp vào thành công chung của toàn ngành TTTT, và để Bộ TTTT có thể thực hiện tốt vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực TTTT thì vai trò đầu mối, phối hợp của Sở TTTT tại các địa phương là vô cùng quan trọng trong việc triển khai hiệu quả các chỉ đạo, điều hành từ Bộ TTTT, tạo nên sự thông suốt trong chỉ đạo, thực hiện từ trung ương đến địa phương, góp phần ổn định chính trị - xã hội, phát triển công nghệ, công nghiệp và dịch vụ ICT của địa phương cũng như của đất nước.

Phát huy những kết quả đã đạt được và đồng thời tiếp tục khắc phục cả những khó khăn, tồn tại trong năm 2018, Bộ TTTT đã đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm cần phải thực hiện trong năm 2019, cụ thể như sau:

1. Lĩnh vực Bưu chính: Là hạ tầng chuyển - phát cho thương mại điện tử.

Nhiệm vụ cụ thể:

- Thí điểm thực hiện và cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng, dịch vụ bưu chính công ích tại địa phương.

- Đề xuất cơ chế, chính sách về đất đai để nâng cao năng lực hạ tầng bưu chính làm nền tảng phát triển thương mại điện tử.

- Tháo gỡ các rào cản pháp luật, xây dựng định hướng, chiến lược để lĩnh

vực bưu chính đạt mục tiêu tăng trưởng 30% trong năm 2019.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp lập hiệp hội doanh nghiệp bưu chính.

2. Lĩnh vực Viễn thông: Là hạ tầng kết nối cho nền kinh tế số.

Nhiệm vụ cụ thể:

- Quản lý cạnh tranh, đảm bảo ổn định thị trường viễn thông.
- Cấp tần số 4G. Tiến hành thử nghiệm 5G.
- Phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân; tăng tỷ lệ sử dụng dữ liệu bình quân đầu người, tăng tốc độ truy nhập Internet lên gấp đôi vào năm 2020.
- Nâng cao chỉ số viễn thông của Việt Nam trên bảng xếp hạng quốc tế.
- Có các giải pháp hữu hiệu hơn cả về kỹ thuật và quy định trong quản lý SIM điện thoại di động, chấn chỉnh các vi phạm của các tổ chức, cá nhân kinh doanh, sử dụng SIM điện thoại trái pháp luật.
- Thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán điện tử cho hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ.
- Xây dựng phương án sử dụng chung cơ sở hạ tầng.
- Đề xuất lộ trình loại bỏ công nghệ cũ.
- Triển khai Asean Flat Roaming Rate.
- Xã hội hóa công tác chứng nhận hợp quy sản phẩm hàng hóa và kiểm định trạm gốc điện thoại di động BTS.
- Rà soát các quy định, loại bỏ các nội dung chồng chéo, mâu thuẫn, gây cản trở, hoàn thiện khung pháp lý quản lý viễn thông; quản lý tần số.
- Thiết kế Mạng Truyền số liệu chuyên dùng hoàn chỉnh phục vụ các cơ quan Đảng, Chính phủ.

3. Lĩnh vực Công nghệ thông tin: Là chính phủ điện tử, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số quốc gia, kinh tế số, thành phố thông minh.

Nhiệm vụ cụ thể:

- Xây dựng Đề án chuyển đổi số quốc gia. Chính thức khái niệm nền kinh tế số, xã hội số.
- Phát triển Chính phủ điện tử. Các Sở là đầu mối thực hiện Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử tại địa phương.
- Định danh điện tử thông qua Mobile ID.
- Kiến trúc thành phố thông minh.
- Thúc đẩy ứng dụng ICT vào mọi lĩnh vực
- Cho phép các doanh nghiệp viễn thông-CNTT lớn đầu tư các dự án CSDL nền tảng quốc gia, sau đó Chính phủ thuê dịch vụ, khi có ngân sách thì mua lại từ doanh nghiệp nếu cần.

4. Lĩnh vực An toàn, an ninh mạng: Là tạo ra một không gian mạng phát

triển sôi động và an toàn nhằm thúc đẩy một xã hội số.

Nhiệm vụ cụ thể:

- Xây dựng trung tâm an ninh mạng Asean tại Việt Nam.
- Phát triển Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia.
- Phát triển công nghiệp an ninh mạng, coi như công nghiệp quốc phòng.
- Xây dựng chính sách thúc đẩy phát triển hệ sinh thái số Việt Nam.

5. Lĩnh vực Công nghiệp ICT: Là phát triển các doanh nghiệp công nghệ Việt Nam, tập trung vào công nghệ cao, là công nghiệp sản xuất phần mềm, công nghiệp sản xuất phần cứng, công nghiệp điện tử-viễn thông, công nghiệp ứng dụng CNTT, công nghiệp nội dung số, công nghiệp an ninh mạng, công nghiệp sản xuất thiết bị Internet vạn vật, phát triển và ứng dụng các công nghệ của CMCNg 4.0.

Nhiệm vụ cụ thể:

- Phát triển các doanh nghiệp công nghệ Việt Nam, tập trung vào công nghệ cao trong lĩnh vực ICT.

- Hợp tác với WEF xây dựng và vận hành Trung tâm về Cách mạng công nghiệp 4.0.

- Có chính sách tạo điều kiện tốt nhất cho hoạt động sản xuất thiết bị viễn thông Made in Viet Nam, đưa Việt Nam thành quốc gia hàng đầu về xuất khẩu thiết bị viễn thông. Nghiên cứu, xây dựng chính sách, chỉ đạo, kết nối liên ngành tìm kiếm thị trường nhằm thúc đẩy phát triển các sản phẩm, dịch vụ CNp CNTT Made in Việt Nam.

- Chính sách đặc khu ảo để phát triển công nghiệp nội dung số.

- Khai thác công nghệ IoT như là cơ hội để phát triển ngành điện tử Việt Nam.

6. Lĩnh vực Thông tin tuyên truyền: Là báo chí, phát thanh truyền hình, xuất bản, thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại.

Nhiệm vụ cụ thể:

- Báo chí phải thể hiện dòng chảy chính của xã hội, tạo đồng thuận, niềm tin xã hội và khát vọng Việt Nam hùng cường.

- Tham mưu ban hành Quy hoạch báo chí. Thực hiện tốt Quy hoạch báo chí.

- Quản lý mạng xã hội nước ngoài tuân thủ luật pháp Việt Nam.

- Trung tâm lưu trữ dữ liệu truyền thông số quốc gia.

- Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

- Quản lý được các phóng viên/Báo chí.

- Làm các sách phổ thông (Simplified books) về công nghệ.

- Xây dựng kênh truyền hình Việt Nam tại nước ngoài.

- Thí điểm xây dựng mô hình tập đoàn nhà nước về báo chí, xuất bản.

7. Công tác tổng hợp:

- Rà soát toàn bộ hệ thống pháp luật của ngành Thông tin và Truyền thông.
- Đạt mục tiêu là Bộ đi đầu về ứng dụng công nghệ thông tin.
- Xây dựng và đưa vào vận hành Văn phòng điện tử.
- Đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo.
- Quản lý và vận hành hệ thống Dashboard theo dõi và đánh giá các chỉ số phát triển ngành TTTT.

8. Một số Đề án Bộ TTTT đăng ký vào Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2019 (Phụ lục 1 đính kèm).

9. Một số báo cáo Bộ TTTT yêu cầu các Sở TTTT thực hiện trong năm 2019 (Phụ lục 2 đính kèm).

Bộ TTTT xin gửi đến Quý Sở các nhiệm vụ trọng tâm của Bộ TTTT năm 2019 để các Sở TTTT tham khảo, làm căn cứ xây dựng Kế hoạch công tác năm 2019 của Sở TTTT.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, VP, TKTH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thành Hưng

Phụ lục 1:
CÁC ĐỀ ÁN BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG ĐĂNG KÝ VÀO CHƯƠNG
TRÌNH CÔNG TÁC CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM 2019

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan phối hợp	Thời hạn
1.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Nội vụ và các bộ, ngành có liên quan	Quý I/2019
2.	Phê chuẩn, phê duyệt các sửa đổi, bổ sung văn kiện Liên minh Bưu chính thế giới (UPU) tại Đại hội bất thường UPU lần thứ 2	Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành có liên quan	Tháng 8/2019
3.	Đề án thí điểm thực hiện và cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng, dịch vụ bưu chính công ích tại địa phương	Các bộ, ngành có liên quan	Quý III/2019
4.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tài chính đặc thù của Cục Bưu điện Trung ương	Bộ Tài chính và các bộ, ngành có liên quan	Quý IV/2019
5.	Quyết định thay thế Quyết định số 16/2012/QĐ-TTg ngày 08/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định về đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng Tần số vô tuyến điện.	Các bộ, ngành có liên quan	Tháng 12/2019
6.	Đề án chuyển đổi số quốc gia	Các bộ, ngành có liên quan	Tháng 11/2019
7.	Đề án Ứng dụng mạng viễn thông (3G, 4G), công nghệ thông tin, công nghệ số trong lĩnh vực thông tin cơ sở	Các bộ, ngành có liên quan, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	Quý III/2019
8.	Đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại nhằm nâng cao ý thức quốc gia, quốc giới và trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc	Bộ ngoại giao, Bộ Quốc phòng, UBND các tỉnh có biên giới đất liền và biển.	Quý I/2019
9.	Đề án quảng bá hình ảnh Việt Nam trên mạng xã hội giai đoạn 2019-2022	Các bộ, ngành có liên quan	Tháng 11/2019
10.	Xây dựng chương trình quốc gia xuất bản các loại sách thiết yếu về chính trị-xã hội và văn hóa	Các bộ, ngành có liên quan	Tháng 5/2019
11.	Đề án xây dựng Trung tâm Cách mạng công nghiệp 4.0	Các bộ, ngành có liên quan	Quý IV/2019
12.	Nghị định thay thế Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13/8/2008 của Chính phủ về chống thư rác và Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP của Chính phủ về chống thư rác	Các bộ, ngành có liên quan	Quý IV/2019

13.	Đề án “Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin giai đoạn 2020-2025”	Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành có liên quan	Quý IV/2019
14.	Nghị định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu	Các bộ, ngành có liên quan	Quý IV/2019
15.	Nghị định quy định về xác thực và định danh điện tử (qua Mobile ID)	Các bộ, ngành có liên quan	Quý IV/2019
16.	Đề án xây dựng Trung tâm an toàn, an ninh mạng ASEAN (ASEAN Cybersecurity Center) tại Việt Nam	Các bộ, ngành có liên quan	Quý IV/2019
17.	Xây dựng chính sách thúc đẩy Hệ sinh thái số Việt Nam	Các bộ, ngành có liên quan	Quý IV/2019

Phụ lục 2:
Tổng hợp một số nhiệm vụ triển khai đến Sở TTTT năm 2019

STT	Nội dung nhiệm vụ	Văn bản giao nhiệm vụ (Căn cứ)	Thời hạn yêu cầu báo cáo	Ghi chú
I - LĨNH VỰC BƯU CHÍNH				
1	<p>Kiểm tra chất lượng dịch vụ BCCI năm 2019 tại địa phương Các nhiệm vụ cụ thể được giao:</p> <p>a) Kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2015/BTTTT về chất lượng dịch vụ BCCI, dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí tại địa phương.</p> <p>b) Kiểm tra việc niêm yết Bản công bố hợp quy và Danh mục chỉ tiêu chất lượng dịch vụ BCCI.</p> <p>c) Kiểm tra việc tự kiểm tra của Bưu điện Tỉnh/TP.</p>	Quyết định số 1951/QĐ-BTTTT ngày 21/11/2018 phê duyệt phương án kiểm tra chất lượng dịch vụ bưu chính công ích năm 2019	Quý III/2019	<p>Sở TTTT được giao nhiệm vụ 14 Sở, gồm: Bắc Giang, Bến Tre, Gia Lai, Hà Giang, TP. Hà Nội, Khánh Hòa, Kon Tum, Ninh Thuận, Lạng Sơn, Lào Cai, TP. Hồ Chí Minh, Vĩnh Long, Đồng Tháp và Thanh Hóa</p>
2	<p>Điều tra sản lượng và giá cước bình quân đối với dịch vụ BCCI và dịch vụ công ích trong hoạt động PHBC năm 2019 Các nhiệm vụ cụ thể được giao:</p> <p>a) Cử nhân sự tham gia Đoàn Điều tra của Bộ</p> <p>b) Báo cáo Bộ TTTT danh sách các đơn vị được lựa chọn điều tra, gửi Quyết định thành lập Tổ điều tra</p> <p>c) Thời gian điều tra (17-21/6, và 24-25/6)</p> <p>d) Tổng hợp kết quả điều tra tại địa phương</p>	Quyết định số 1735/QĐ-BTTTT ngày 29/10/2018 phê duyệt phương án điều tra sản lượng và giá cước bình quân đối với dịch vụ BCCI và dịch vụ công ích trong hoạt động PHBC năm 2019	<p>a) Tháng 01/2019</p> <p>b) Trước ngày 03/5/2019</p> <p>d) Trước ngày 19/7/2019</p>	<p>14 Sở, gồm: Cao Bằng, Đồng Tháp, Hà Giang, Hà Nội, Hải Dương, Kon tum, Ninh Thuận, Lào cai, Lạng Sơn, Phú Thọ, Phú Yên, Quảng Trị, TPHCM, Vĩnh Long</p>
3	Báo cáo thống kê bưu chính	<p>- Thông tư số 10/2018/TT-BTTTT</p> <p>- Thông tư số 35/2016/TT-BTTTT</p>	Trước 15/01/2020	63 Sở TTTT

STT	Nội dung nhiệm vụ	Văn bản giao nhiệm vụ (Căn cứ)	Thời hạn yêu cầu báo cáo	Ghi chú
4	Kiểm tra, giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả trên địa bàn.	Khoản 2 Điều 17 Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg	Thực hiện báo cáo nội dung kiểm tra, giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ, hoặc đột xuất yêu cầu của các cấp có thẩm quyền.	63 Sở TTTT
5	Kiểm tra, giám sát việc cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu chính KT1 tại địa phương.	Khoản 3 Điều 18 Thông tư số 16/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định chi tiết một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 55/2016/QĐ-TTg	Thực hiện báo cáo nội dung kiểm tra, giám sát việc cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu chính KT1 tại địa phương theo chức năng, nhiệm vụ hoặc yêu cầu đột xuất của các cấp có thẩm quyền.	63 Sở TTTT
II - LĨNH VỰC VIỄN THÔNG				
1	Báo cáo về tình hình triển khai xây dựng và thực hiện quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của địa phương	Căn cứ tình hình thực tế của công tác quản lý	Hàng quý	63 Sở TTTT
2	Báo cáo về tình hình phê duyệt và triển khai quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của các DN viễn thông tại địa phương	Căn cứ tình hình thực tế của công tác quản lý	Hàng quý	63 Sở TTTT

STT	Nội dung nhiệm vụ	Văn bản giao nhiệm vụ (Căn cứ)	Thời hạn yêu cầu báo cáo	Ghi chú
3	Báo cáo về việc kiểm tra, thanh tra xử lý vi phạm SIM rác và quản lý thông tin thuê bao di động tại địa phương	Căn cứ tình hình thực tế của công tác quản lý	Hàng quý	63 Sở TTTT
	Mạng TSLCD phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước			
4	Kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp viễn thông trong việc quản lý đảm bảo các kết nối và đảm bảo an toàn thông tin trên mạng TSLCD cấp II	Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017	Trước ngày 15/12 hàng năm	63 Sở TTTT
5	Tham mưu UBND tỉnh ban hành quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II tại địa phương	Thông tư 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017	Trước ngày 15/12 hàng năm	63 Sở TTTT
6	Tổng hợp, báo cáo về Bộ TTTT (Cục BĐTU) tình hình khai thác, sử dụng mạng TSLCD tại địa phương	Thông tư 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017	Trước ngày 30/6 và ngày 15/12 hàng năm	63 Sở TTTT
7	Chỉ đạo doanh nghiệp viễn thông công khai giá cước dịch vụ trên mạng TSLCD tại địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật. Kiểm tra giám sát việc thực hiện giá cước dịch vụ của doanh nghiệp tại địa bàn tỉnh	Thông tư 43/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017	Trước ngày 30/6 và ngày 15/12 hàng năm	63 Sở TTTT
	Mạng Bưu chính phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước			
8	Quản lý hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu chính KT1 tại địa phương	Quyết định 55/2016/QĐ-TTg ngày 26/12/2016 và Thông tư 16/2017/TT-BTTTT	Trước ngày 15/12 hàng năm	63 Sở TTTT
9	Báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông các vi phạm và xử lý vi phạm trong việc cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu chính KT1 (nếu có)			63 Sở TTTT
	Các nhiệm vụ dự kiến trong năm 2019			

STT	Nội dung nhiệm vụ	Văn bản giao nhiệm vụ (Căn cứ)	Thời hạn yêu cầu báo cáo	Ghi chú
10	Về Hệ thống truyền hình hội nghị: - Rà soát đánh giá chất lượng dịch vụ và phục vụ của hệ thống truyền hình hội nghị tại địa phương - Tham mưu cho UBND tỉnh sử dụng phương thức hợp trực tuyến hiệu quả, đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật.	Điều 32 của Quyết định 45/2018/QĐ-TTg ngày 09/11/2018	Trước ngày 30/6 và ngày 15/12 hàng năm	63 Sở TTTT
Nhiệm vụ của các Sở TTTT trong công tác thúc đẩy triển khai IPv6				
11	Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức sử dụng IPv6 đối với mạng lưới cơ sở hạ tầng truyền thông của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại địa phương	Chỉ thị số 03/2008/CT-BTTTT ngày 06/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc thúc đẩy sử dụng địa chỉ Internet thế hệ mới IPv6	Trước ngày 30/11 hàng năm	63 Sở TTTT
12	Các Sở TTTT nghiên cứu, đề xuất, tham mưu cho UBND trong việc xây dựng kế hoạch và từng bước triển khai sử dụng IPv6 cho mạng quản lý điều hành, mạng hành chính công của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn, phù hợp với kế hoạch chung của quốc gia về chuyển đổi IPv4 sang IPv6			63 Sở TTTT
13	Đề xuất, tham mưu cho các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc xây dựng kế hoạch và từng bước triển khai sử dụng IPv6 cho mạng quản lý điều hành, Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn, phù hợp với kế hoạch chung của quốc gia về chuyển đổi IPv4 sang IPv6.	Kế hoạch Hành động quốc gia về IPv6 sửa đổi, ban hành theo Quyết định số 1509/QĐ-BTTTT ngày 20/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông	Tháng 6, tháng 11 hàng năm.	63 Sở TTTT
14	Đẩy mạnh việc kiểm tra, giám sát quá trình chuẩn bị, chuyển đổi sang IPv6 của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, các ISP tại địa phương			63 Sở TTTT

STT	Nội dung nhiệm vụ	Văn bản giao nhiệm vụ (Căn cứ)	Thời hạn yêu cầu báo cáo	Ghi chú
15	Tiếp tục triển khai công tác tuyên truyền quảng bá dưới mọi hình thức nhằm nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp cung cấp phần mềm, thiết bị, dịch vụ và người sử dụng Internet có liên quan đến IPv6			63 Sở TTTT
16	Tiến hành việc đấu nối, thử nghiệm IPv6 của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp với mạng của các ISP			63 Sở TTTT
17	Triển khai IPv6 cho chính phủ điện tử, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, hệ thống máy tính kết nối Internet (Trong nhiệm vụ chung giao cho các đơn vị chuyên trách CNTT của cơ quan Đảng, Nhà nước)	Kế hoạch thúc đẩy phát triển IPv6 năm 2018 của Ban Công tác thúc đẩy phát triển IPv6 quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 227/QĐ-BTTTT ngày 12/02/2018 của Bộ	Tháng 6 và tháng 11 hàng năm.	63 Sở TTTT
18	Triển khai IPv6 cho ứng dụng công nghệ thông tin nội bộ			63 Sở TTTT
III - LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN				
1	Báo cáo đánh giá mức độ ứng dụng CNTT của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Điều 3 Thông tư số 06/2013/TT-BTTTT ngày 07/3/2013 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định chế độ báo cáo định kỳ về tình hình ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước	Trước ngày 01/02 hàng năm	
2	Báo cáo chuyên đề về tình hình, kết quả cải thiện các chỉ số, chỉ tiêu về chính phủ điện tử hàng quý, hàng năm	Nghị quyết số 19/2007/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ	Hàng quý (trước ngày 20 tháng cuối quý)	
3	Báo cáo kết quả thực hiện chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020	Khoản 2, Mục V, Điều 1 Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ	Hàng năm	
4	Danh mục dự án đầu tư ứng dụng CNTT đang triển khai trong phạm vi Bộ, ngành hoặc địa phương	Khoản 1, Điều 7, Thông tư số 12/2010/TT-BTTTT ngày 18/5/2010 của Bộ trưởng Bộ TTTT	Trước ngày 31/12 hàng năm	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Văn bản giao nhiệm vụ (Căn cứ)	Thời hạn yêu cầu báo cáo	Ghi chú
IV - LĨNH VỰC AN TOÀN THÔNG TIN				
1	Báo cáo tình hình thành lập và tổ chức hoạt động Đội ứng cứu sự cố và tổ chức hoạt động ứng cứu sự cố trong lĩnh vực, địa bàn, phạm vi mình quản lý	- Khoản 2 Điều 7 Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg - Điểm đ Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 20/2017/TT-BTTTT	Hàng năm	
2	Báo cáo tình hình tham mưu xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt để thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố bảo đảm an toàn thông tin mạng của địa phương	Điểm c Khoản 1 Điều 16 Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg		
3	Báo cáo tình hình tham mưu UBND tỉnh triển khai Quyết định 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 quy định phân cấp tổ chức thực hiện ứng cứu sự cố đảm bảo an toàn thông tin mạng quốc gia; phương án ứng cứu sự cố thông tin quốc gia; và biện pháp đảm bảo ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia.	Điều 19, Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ		
4	Cập nhật Hồ sơ thành viên mạng lưới ứng cứu sự cố	Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 20/2017/TT-BTTTT		
5	Báo cáo tổng hợp tình hình tiếp nhận và xử lý sự cố an toàn thông tin mạng tại địa phương	Điểm c Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 20/2017/TT-BTTTT	Báo cáo định kỳ 06 tháng (trước ngày 20/6) 01 năm (trước ngày 15/12 hàng năm)	
V – LINH VỰC TUYÊN TRUYỀN				
1	Xây dựng Kế hoạch công tác thông tin đối ngoại năm 2018	Thông tư số 22/2016/TT-BTTTT ngày 19/10/2016; công văn số 3616/BTTTT-TTĐN ngày 06/10/2017	Trước ngày 01/3 hàng năm	
2	Báo cáo tổng kết công tác thông tin đối ngoại năm 2018	Thông tư số 22/2016/TT-BTTTT ngày 19/10/2016; công văn số 3616/BTTTT-TTĐN ngày 06/10/2017	Trước ngày 10/12 hàng năm	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Văn bản giao nhiệm vụ (Căn cứ)	Thời hạn yêu cầu báo cáo	Ghi chú
3	Báo cáo tình hình triển khai, kết quả thực hiện phong trào thi đua chuyên đề "Thi đua thực hiện hiệu quả công tác thông tin đối ngoại của ngành Thông tin và Truyền thông" năm 2018	Chỉ thị số 17/CT-BTTTT ngày 26/4/2018	Ngày 15 của tháng cuối quý	
4	Báo cáo đánh giá, tổng kết việc thực hiện Đề án Tăng cường công tác thông tin đối ngoại với Lào trong tình hình mới	Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 17/02/2016	Hàng năm	
5	Báo cáo đánh giá, tổng kết việc thực hiện Đề án Tăng cường công tác thông tin đối ngoại với Campuchia đến năm 2020	Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 14/5/2018	Hàng năm	
6	Triển khai thực hiện Đề án "Tuyên truyền thực hiện chính sách, pháp luật về kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh"	Quyết định số 13/QĐ-TTg ngày 06/1/2017 của Thủ tướng Chính phủ	Trước ngày 15/12 hàng năm	
7	Triển khai thực hiện Đề án "Tuyên truyền bảo vệ chủ quyền và phát triển bền vững biển, đảo Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020"	Quyết định số 930/QĐ-TTg ngày 28/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ	Trước ngày 15/12 hàng năm	
8	Triển khai thực hiện Đề án "Quản lý hoạt động truyền thanh - truyền hình cấp huyện đến năm 2020"	Quyết định số 308/QĐ-TTg ngày 13/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ	Trước ngày 20/12 hàng năm	
9	Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công: Thuế, điện, nước, học phí, viện phí và chi trả các chương trình an sinh xã hội đến năm 2020	Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 23/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ	Trước ngày 15/12 hàng năm	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Văn bản giao nhiệm vụ (Căn cứ)	Thời hạn yêu cầu báo cáo	Ghi chú
10	Báo cáo tình hình hoạt động và công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực xuất bản, phát hành xuất bản phẩm tại địa phương.	+ Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; + Điểm c, Khoản 1, Điều 2 Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.	- Chậm nhất ngày 15/7 (đối với báo cáo 06 tháng đầu năm); - Chậm nhất ngày 15/01 của năm liền sau năm báo cáo (đối với báo cáo năm).	63 Sở TTTT
11	Báo cáo định kỳ trực tuyến và nhập dữ liệu cơ sở in quốc gia	Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử	Trước ngày 15/01 của năm sau liền kề	
12	Nhập cơ sở in lên hệ thống dữ liệu quốc gia	Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử	Thường xuyên thực hiện sau khi cấp phép hoạt động in, các Sở phải cập nhật lên cơ sở dữ liệu quốc gia	
VI - MỘT SỐ LĨNH VỰC KHÁC				
1	Báo cáo phân bổ mục tiêu, kinh phí hằng năm	Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới. Thông tư số 05/2015/TT-BTTTT ngày 23/3/2015.	Trước ngày 31/3 hằng năm	
2	Báo cáo kết quả thực hiện	Báo cáo thực hiện Nội dung dự án "Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở".	Trước ngày 05/7 và ngày 05/3 của năm liền kề năm báo cáo	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Văn bản giao nhiệm vụ (Căn cứ)	Thời hạn yêu cầu báo cáo	Ghi chú
3	Báo cáo ước thực hiện 6 tháng	Chương trình mục tiêu Giảm nghèo bền vững (Thông tư số 06/2017/TT-BTTTT ngày 02/6/2017). Báo cáo giám sát, báo cáo thực hiện Dự án Truyền thông và Giảm nghèo về thông tin	Trước ngày 5/7 hàng năm	
4	Báo cáo cả năm		Trước ngày 05/3	
5	Báo cáo giữa kỳ		Trước ngày 5/12 hàng năm	
6	Báo cáo cuối kỳ		Trước ngày 05/9 hàng năm	
7	Đề án “Tăng cường hiệu quả công tác phòng ngừa, chống vi phạm pháp luật và tội phạm trên mạng Internet” đã được phê duyệt	Thực hiện Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030.	Hàng năm	Các Sở TTTT tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện chung cho từng nội dung với hai giai đoạn: 2017-2020 và 2021-2025.